

Số: 11/2024/QĐST-DS

Thị xã Cai Lậy, ngày 10 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 101/2024/TLSTVDS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án”, theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 50/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 33/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: **Số B N, khu phố E, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Quốc D**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 422 Nguyễn Công Bằng, khu phố 5, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông **D**: Bà **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Số C ấp H, xã M, thành phố M, Tiền Giang** (xin vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 13/6/2024)

2. Bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1951 (vắng mặt).

3. Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

4. Bà **Phạm Thị Thúy O**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

5. Anh **Đặng Quốc B**, sinh năm 2005 (vắng mặt).

6. Chị **Trần Phương N**, sinh năm 2009.

Đại diện theo pháp luật của chị **N**: Bà **Phạm Thị Thúy O**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

7. Cháu **Đặng Hoàng Phương B1**, sinh năm 2012.

Đại diện theo pháp luật của cháu **Phương B1**: Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D N, khu phố E, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp bà Huỳnh Thị M trình bày: Theo quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số: 03/2023/QĐCNHGT-DS ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định: “Anh Phạm Quốc D thống nhất còn nợ bà Huỳnh Thị M số tiền là 2.587.000.000 đồng. Anh Phạm Quốc D đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị M. Thực hiện việc trả tiền trong một lần đối với toàn bộ số tiền 2.587.000.000 đồng vào ngày 05/6/2023.” Tuy nhiên, khi đến hạn thì ông D không thực hiện như thỏa thuận. Ngày 06/6/2023, bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án theo Quyết định số: 03/2023/QĐCNHGT-DS ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Theo kết quả xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì ông Phạm Quốc D có tài sản chung trong hộ là thửa đất số 473, diện tích 413,8m² và thửa đất số 476, diện tích 369,7m² cùng tờ bản đồ 33 và cùng tại khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang lần lượt theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A (mẹ ruột ông D).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy đã ban hành Thông báo số 61/TB-CCTHADS ngày 25/12/2023 về việc phân chia tài sản chung để thi hành án cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A nhưng hộ bà Kim A không thực hiện quyền này nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy tiếp tục ban hành Thông báo số: 106/TB-CCTHADS ngày 30/01/2024 cho bà thực hiện việc xác định phần sở hữu, phần quyền sử dụng đất của ông Phạm Quốc D trong khối tài sản chung của hộ gia đình.

Nay bà Huỳnh Thị M yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của ông Phạm Quốc D trong khối tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất số 473, diện tích 413,8m² và thửa đất số 476, diện tích 369,7m² cùng tờ bản đồ 33 và cùng tại khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang lần lượt theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A để làm cơ sở thi hành án.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Người yêu cầu bà Huỳnh Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân

sự trong quá trình giải quyết vụ việc từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp giải quyết việc dân sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà **Huỳnh Thị M**, xác định thửa đất số 473, diện tích 413,8m² và thửa đất số 476, diện tích 369,7m² cùng tờ bản đồ 33 và cùng tại **khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** lần lượt theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim A** là tài sản chung của hộ bà **Nguyễn Thị Kim A**, ông **Phạm Quốc D** có 1/4 quyền sử dụng đối với thửa đất trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Bà **Huỳnh Thị M** có đơn yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của ông **Phạm Quốc D** trong khối tài sản chung để thi hành án. Do đó xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014; khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Huỳnh Thị M** là có căn cứ. Bởi lẽ:

[2.1] Tại quyết định số: 03/2023/QĐCNHGT-DS ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thể hiện: Ông **Phạm Quốc D** đồng ý trả cho bà **Huỳnh Thị M** một lần số tiền 2.587.000.000 đồng vào ngày 05/6/2023.

[2.2] Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai **thị xã C** cung cấp thì ông **Phạm Quốc D** có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 473, tờ bản đồ 33, diện tích 413,8m² tại **khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim A**. Và quyền sử dụng thửa đất số 476, diện tích 369,7m² tờ bản đồ 33 tại **khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim A**.

Thửa đất số 473, 476 được cấp đổi từ thửa đất số 457 cùng tờ bản đồ 33 diện tích 1.512,1m² theo xác nhận ngày 15/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai **thị xã C** tại mặt sau giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AĐ 003701, số vào sổ "H" 05978 do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp cho hộ bà

Nguyễn Thị Kim A vào ngày 19/12/2005. Thửa đất 457 lại được hình thành từ thửa đất số 1386 diện tích 2.795m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 003701, số vào sổ “H” 05978 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A vào ngày 19/12/2005. Nguồn gốc thửa đất 1386 do bà Nguyễn Thị Kim A nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị M1. Khi làm các thủ tục đăng ký thừa kế, đăng ký biến động vào ngày 25/5/2005 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 19/12/2005 bà Kim A tự nguyện đăng kí quyền sử dụng đất cấp cho bà đại diện hộ đứng tên. Mặt khác, sau khi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 19/12/2005, từ năm 2006 trở về sau bà Nguyễn Thị Kim A đều làm các thủ tục biến động như chuyển nhượng, tặng cho, tách thửa và cấp giấy theo thủ tục đất cấp cho hộ mà không có sự phản đối, tranh chấp.

[2.3] Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ do Công an phường B2 cung cấp:

Tại thời điểm cấp giấy lần đầu vào ngày 19/12/2005 hộ bà Nguyễn Thị Kim A có 04 thành viên gồm: bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1951 (chủ hộ), ông Phạm Quốc D sinh năm 1973, bà Phạm Thị Thanh T sinh năm 1975, Phạm Thị Thúy O sinh năm 1981 (đều là con chủ hộ).

Tại thời điểm ngày 15/9/2017 và ngày 27/12/2017 hộ bà Nguyễn Thị Kim A gồm có 07 thành viên là: Bà Nguyễn Thị Kim A (chủ hộ), ông Phạm Quốc D, bà Phạm Thị Thanh T, Phạm Thị Thúy O (đều là con chủ hộ), anh Đặng Quốc Bình s năm 2005, chị Trần Phương N sinh năm 2009 và cháu Đặng Hoàng P Bình sinh năm 2012 cùng là cháu chủ hộ.

Như vậy, tại thời điểm thửa đất được hình thành trong hộ bà Nguyễn Thị Kim A không có mặt anh Đặng Quốc B, chị Trần Phương N và cháu Đặng Hoàng Phương B1. Anh Đặng Quốc B, chị Trần Phương N và cháu Đặng Hoàng Phương B1 chỉ có tên trong hộ sau khi bà Kim A làm các thủ tục biến động, cấp lại giấy đất và đều còn nhỏ tuổi.

Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 102, 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quyền sử dụng thửa đất số 473, tờ bản đồ 33, diện tích 413,8m² tại khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A. Và quyền sử dụng thửa đất số 476, diện tích 369,7m² tờ bản đồ 33 tại khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là tài sản thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình gồm 04 thành viên là: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Phạm Quốc D, bà Phạm Thị Thanh T, Phạm Thị Thúy O. Trong đó ông Phạm Quốc D có ¼ quyền sử dụng đối với các thửa đất trên.

[3] Về lệ phí: Căn cứ quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ lệ phí cho bà **Huỳnh Thị M** do bà **M** thuộc đối tượng được miễn lệ phí.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Huỳnh Thị M**.

Xác định ông **Phạm Quốc D** có $\frac{1}{4}$ quyền sử dụng đối với các thửa đất

sau:

Thửa đất số 473, tờ bản đồ 33, diện tích 413,8m² tại **khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243443, số vào sổ cấp GCN: CS09503 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim A**.

Thửa đất số 476, diện tích 369,7m² tờ bản đồ 33 tại **khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa CM 243442, số vào sổ cấp GCN: CS09504 cùng do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 27/12/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim A**.

2. Lệ phí sơ thẩm: Bà **Huỳnh Thị M** được miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTXCai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAILẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Út**.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 459/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 441, tổ 58, Ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Chị Trần Thị Bảnh, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Ngô Tấn Phát, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 441, tổ 58, ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cúc.

Buộc anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cúc số tiền hụi chết đã đến hạn 207.470.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cúc số tiền hụi chết chưa đến hạn là 261.670.000 đồng, trả trong hạn như sau:

Tháng 01/2021 trả 30.000.000 đồng;

Tháng 02/2021 trả 26.000.000 đồng;

Tháng 3/2021 trả 24.000.000 đồng;

Tháng 4/2021 trả 22.000.000 đồng;

Tháng 5/2021 trả 20.000.000 đồng;

Tháng 6/2021 trả 103.800.000 đồng;

Tháng 7/2021 trả 9.000.000 đồng;

Tháng 8/2021 trả 9.000.000 đồng;

Tháng 9/2021 trả 9.000.000 đồng;

Tháng 10/2021 trả 9.150.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải chịu 22.776.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho chị Nguyễn Thị Cúc 5.694.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005939 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

